

Số: /QĐ-UBND Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa  
giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 08/5/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính gửi về Bộ, ngành Trung ương để xem xét, quyết định;

tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai thủ tục hành chính sau khi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phương án được sửa đổi, bổ sung.

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Thú y (Bộ NN&PTNT);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**PHỤ LỤC**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã số TTHC: 1.001686.000.00.00.H10.**

**a) Nội dung đơn giản hóa**

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: “*Chứng chỉ hành nghề thú y đối với người quản lý, người trực tiếp buôn bán thuốc thú y*”.

**Lý do:** “*Chứng chỉ hành nghề thú y*” đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép được số hóa, lưu trữ và tái sử dụng dữ liệu. Vì vậy tổ chức, cá nhân không cần nộp bản sao hoặc bản chính “*Chứng chỉ hành nghề thú y*” đã được cấp, công chức sẽ đối chiếu thành phần hồ sơ này trong dữ liệu Chứng chỉ hành nghề đã được cấp trên địa bàn tỉnh.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*”.

**Lý do:** “*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*” được tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và được kiểm tra khi thực hiện đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở theo quy định.

- Bổ sung thêm trường thông tin về “*số Chứng chỉ hành nghề và số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*” đã được cấp vào mẫu đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**b) Kiến nghị thực thi**

- Kiến nghị Chính phủ xem xét trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 1 Điều 97 của Luật Thú y ngày 19/6/2015.

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn tại Phụ lục XX quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.461.000 đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 70.595.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.865.720 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,2%.

